

LBBF — Vừa qua, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội đã tiến hành cuộc Hội thảo khoa học **LÀNG XÃ VIỆT NAM VÀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XA HỘI CHỦ NGHĨA** (4.1986) Cuộc hội thảo đã được sự hưởng ứng và tham gia tích cực của nhiều giáo sư, nhiều đồng chí cán bộ chỉ đạo và nghiên cứu ở ngoài và trong trường. Đặc biệt, đồng chí **Nguyễn Ngọc Triu**, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Nông nghiệp và đồng chí **Đoàn Duy Thành**, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thành ủy Hải Phòng đã gửi tới cuộc hội thảo các bài phát biểu ý kiến của mình. Tạp chí Khoa học xin trân trọng giới thiệu hai bài phát biểu của các đồng chí **Nguyễn Ngọc Triu** và **Đoàn Duy Thành** cùng một số báo cáo khoa học tham gia cuộc hội thảo đó

NHÌN LẠI LÀNG VIỆT

Tóm lược báo cáo đề dẫn tại hội nghị khoa học «Làng xã Việt Nam và vấn đề xây dựng nông thôn mới XHCN»

PHAN ĐẠI DOÃN

Làng xã Việt Nam, cho đến ngày nay nhiều bộ phận đã bị giải thể. Tuy nhiên nhiều thành phần của làng vẫn đang tồn tại và sẽ còn duy trì trong thời gian dài về sau. Nghiên cứu làng xã là nghiên cứu quá khứ, hiện tại và cả tương lai.

Làng Việt, một thực thể xã hội đã phát triển đến hoàn chỉnh trọn vẹn. Từ thế kỷ XV đến giữa thế kỷ này, trên đất nước ta đã xảy ra bao nhiêu biến đổi về chính trị, quân sự nhưng làng vẫn tiếp tục duy trì, phát triển. Chiến tranh trong nhiều năm hủy diệt kinh tế xã hội từng vùng lớn ở lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Lam và những thiên tai lớn, những nạn đói khủng khiếp đã làm cho mấy nghìn làng bị phiêu tán, nhưng làng vẫn tái sinh, tái lập.

Làng Việt và sản xuất nhỏ tiểu nông người Việt gắn chặt với nhau trong một thể thống nhất. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ «*Đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa*»(1). Tìm hiểu làng là đề nhận thức đầy đủ hơn «*đêm trước*» của chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

1. Nhận thức làng Việt trước hết cần tập trung vào kết cấu kinh tế. Kinh tế làng Việt rất phức tạp. Ở nước ta, phần lớn kinh tế làng không đơn thuần là nông nghiệp. Tất nhiên cũng có một bộ phận làng là nông nghiệp thuần túy. Những làng không đơn thuần là nông nghiệp thì có kết cấu kinh tế nông công

thương. Đó là kết cấu đa nguyên. Điều này khác với nông thôn Tây Âu vào thời cuối Trung đại và Cận đại. Vào những thế kỷ XVII về sau, nông thôn Pháp, Anh Ý chủ yếu là những công xã nông nghiệp nông dân khác biệt với thành thị và phụ thuộc vào thành thị.

Điều nổi bật về chế độ sở hữu ruộng đất trong làng Việt là ruộng đất công làng xã và chế độ quân điền. Loại ruộng đất này bị thu hẹp nhưng rồi lại được tái sinh bộ phận. Ở miền Bắc, nó bị thủ tiêu trong cải cách ruộng đất (1955). Ở miền Nam, nó tồn tại đến giữa năm 1975. Riêng các tỉnh khu V cũ ruộng đất công làng xã còn đến 19% tổng diện tích canh tác(2).

Kinh tế hàng hóa—tiền tệ ở làng Việt phát triển rất sớm, lấy chợ là cơ sở chính. Chợ làng hay là chợ phiên là nơi trao đổi những mặt hàng nông phẩm, nhu yếu phẩm của người nông dân.

Ở đồng bằng Bắc Bộ, từ thế kỷ XVIII về sau xuất hiện một số làng buôn. Phù Lưu, Đa Ngưu, Đan Loan và Báo Đáp là những làng buôn chuyên nghiệp. Ở riêng đất phía Nam (từ đèo Hải Vân trở vào) thì xuất hiện một số thị tứ. Bồng Sơn, An Thái và Sài Gòn trước kia là những điểm thị tứ có lịch sử lâu đời. Thị tứ là phố nhỏ ven sông, ven lộ buôn bán cố định.

Chợ làng, làng buôn, thị tứ là mảng thành thị hòa trong nông thôn, là sản phẩm của quá trình mở rộng của kinh tế hàng hóa. Chợ làng và cả làng buôn, thị tứ đã góp phần giải quyết những hạn chế, bế tắc của kinh tế tiểu nông, lại tiếp tục duy trì và bổ sung cho kinh tế tiểu nông. Hai mặt này cùng tồn tại, cùng phát huy tác dụng, góp phần to lớn tạo nên tính bền vững của kinh tế truyền thống làng Việt.

Chúng tôi cho rằng kiểu kinh tế tự túc tự cấp là khép kín trong một đơn vị gia đình tiểu nông hay khép kín trong một làng là không thật chính xác. Có thể cho rằng tự túc tự cấp được khép trong một vùng liên làng khoảng 5 hay 6 làng bằng một chu kỳ họp chợ liên tiếp với nhau. Xin lấy một câu ca dao vùng Vĩnh Bảo (Hải Phòng) nói về một vòng chợ như sau:

« Một Râu, hai Mét, ba Ngà,
Tư Cầu, năm Táng, sáu Ngà, lại Râu.
Bảy Ngà, tám Mét, chín Cầu
Mười mươi chợ Táng, một Râu lại về »

Ở vùng đất Quy Nhơn cũ cũng có hiện tượng buôn bán theo chu kỳ chợ như trên. Cứ như vậy, lần lượt quanh năm suốt tháng ngày nào người nông dân trong 5, 6 làng sát nhau đều có thể đi chợ.

Liên quan đến kinh tế hàng hóa là vấn đề đô thị hóa. Kết cấu kinh tế đa nguyên hạn chế sự phân công lao động xã hội, hạn chế quá trình đô thị hóa. Vào các thế kỷ XVII, XVIII, XIX trên đất nước ta đã có một số thành thị mới, nhưng không giống thành thị phương Tây cùng thời gian. Trong làng gia đình tiểu nông là đơn vị, là tổ chức sản xuất và tiêu thụ. Tái sản xuất nhỏ tiểu nông thường thường được xem là tái sản xuất giản đơn. Tái sản xuất của tiểu nông nước ta có mặt không hoàn toàn như vậy. Cũng như nhiều nước trên thế giới, sản xuất tiểu nông phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên và xã hội. Chiến tranh, giông bão, sâu keo, hạn lụt xảy ra làm cho tái sản xuất tiểu nông bị thu hẹp, thậm chí

có nơi có lúc bị hủy diệt. Nhưng xét cả quá trình lịch sử lâu dài và tổng thể cả nước thì tái sản xuất của tiểu nông nước ta là có tính chất mở rộng (tuy không ổn định, không cân đối và hạn chế trong điều kiện tiền tư bản chủ nghĩa).

Sự mở rộng của tái sản xuất tiểu nông nhỏ bé trong lúc nhân khẩu lại tăng nhanh dẫn đến di dân, khai hoang và lập làng. Xu hướng tăng nhân khẩu thường xuyên tạo ra hiện tượng dân số thừa tiềm tàng. Dân số thừa không được thành thị thu hút thì phải di dân, khai hoang và tái lập làng xã. Đó là quá trình có tính quy luật.

Về tư tưởng kinh tế truyền thống của người Việt, theo chúng tôi có mấy điểm sau:

— Tư tưởng *trọng nông, trọng ruộng đất*. Người Việt rất coi trọng ruộng đất. Tục ngữ phổ biến có câu «*đất đất, tác vàng*».

— *Coi thương nghiệp là mặt nghệ, khinh thương*. Đây là tư tưởng nho giáo chính thống nhằm trói buộc người nông dân vào ruộng đất. Tư tưởng này cũng có ảnh hưởng không nhỏ trong nông dân. Ở Tây Âu từ thế kỷ XV đã có tư tưởng trọng thương, về sau trở thành một khuynh hướng, một chủ nghĩa. Ở nước ta, cho đến thế kỷ XIX vẫn chưa có chủ nghĩa trọng thương.

— *Quý nghĩa, khinh lợi, an bản lạc đạo*, cũng vốn là tư tưởng nho giáo có ảnh hưởng sâu trong nông dân. Một số không ít người thường ca ngợi «*chữ nhân*» ghét bỏ cái cạnh tranh, khinh bỉ cái gọi là «*bon chen danh lợi*». Tư tưởng này phổ biến trong tầng lớp trung gian xã hội.

— *Trọng tiết kiệm, phê phán lối làm ăn xa xỉ, lãng phí*. Song đôi khi lại quá tiết kiệm thành ra hà tiện, cắt đứt của cải, coi đây là kiểu tích lũy tài sản. Tiền của do đó không thành vốn lưu thông, không được đưa vào sản xuất.

2. Cơ chế làng xã là vấn đề rất phức tạp. Mấy trăm năm qua làng Việt đã vận hành cơ chế nào là chủ yếu? Có người cho giáp là cơ sở; có người cho dòng họ là chính. Theo chúng tôi, vận hành của làng Việt phải dựa vào dòng họ. Cần tiếp tục khám phá thêm chức năng của họ, nhưng rõ ràng họ là một kiểu liên kết phổ biến của người sản xuất nhỏ trong làng.

Sản xuất tiểu nông không thể thường xuyên tiến hành đơn độc. Ngoài dòng họ ra, người tiểu nông còn có nhiều hình thức liên kết khác là xóm ngõ, phường hội... Cái tổ chức này đã giúp cho nông dân khắc phục những khó khăn trở ngại trong sản xuất và sinh hoạt mà gia đình riêng biệt không thể vượt qua. Các tổ chức này cứ chồng xếp đan xen vào nhau đè lên người nông dân. Do vậy tình cộng đồng của người Việt rất sâu sắc. Về mức độ thì ở đồng bằng Bắc bộ là đậm đà nhất, càng vào phía Nam càng nhạt dần.

Trong cơ chế hoạt động của làng còn có hương ước. Hương ước là biện pháp tự điều khiển, tự điều chỉnh của làng Việt trong khuôn khổ của chế độ phong kiến, quan liêu. Hương ước không phải là biểu hiện của tính chất dân chủ mà chỉ là sự tự trị của làng ở mức độ nào đó. Ngày nay, hương ước cũ của một số làng vẫn còn tác dụng. Thậm chí có làng còn tiếp tục làm thêm một số điều khoản như làng Ngọc Than (Quốc oai, Hà Sơn Bình) (3)

Làng Việt có kết cấu giai cấp, đẳng cấp, khá phức tạp. Các làng miền Bắc thường có «*quan viên*», «*quan lèn*» và nhiều nhóm xã hội khác. Ở các làng miền

Nam có giản đơn hơn. Chúng tôi cho rằng sự tồn tại lâu dài của ruộng công làng xã, tình trạng kinh tế hàng hóa phát triển không cao và các nhân tố chính trị kinh tế kìm cả huyết thống tông tộc đan xen và tác động lẫn nhau đã làm cho một số mặt về kết cấu của giai cấp, đẳng cấp không có sự chia tách rõ ràng.

Nếu đối chiếu xã hội Việt Nam và Tây Âu từ sau thế kỷ XV, chúng tôi thấy làng Việt có một số nét gần giống với thành thị Pháp, Ý. Làng Việt có một số mặt tự trị, quan lại nghĩ việc đều bị xem là «chết quan hoàn dân», chính quyền trong làng xã (xã trưởng, lý dịch) đều do dân đình bầu cử. Phần nhiều thành thị Pháp, Ý thời cuối trung đại cũng vậy, đều có tính tự trị, có chế độ bầu cử (cổ điển cao hơn làng Việt nhiều).

Do cơ chế của làng Việt phần nào có tính tự trị, cho nên trong xã hội phong kiến, một số nhân tố văn hóa tư tưởng phi phong kiến có thể nảy sinh và phát triển ở làng. Văn học nghệ thuật dân gian có truyền thống nhân đạo và phi phong kiến được lưu truyền trong làng quê.

3. Về văn hóa, xét chung không có sự đối lập giữa làng và làng, giữa làng và nước. Giao lưu kinh tế văn hóa đã làm cho văn hóa làng (trong toàn quốc) có nhiều nét chung về tín ngưỡng, hệ tư tưởng về ăn, ở, mặc...

Văn hóa làng Việt là một tổng hợp đa nguyên. Những tàn dư tín ngưỡng bản địa chông xếp với tôn giáo ngoại nhập (Phật, Đạo). Tờ thần, thần thánh tiên, phật cứ đồng thời tồn tại trong một làng cả trong một gia đình. Có nhiều trường hợp các loại biểu tượng tín ngưỡng được bố trí trong cùng một ngôi đền (Riêng tại các làng Cơ đốc giáo thuần túy thì các tín ngưỡng trên bị loại trừ).

Kết cấu tư tưởng tín ngưỡng trên không giống như nhiều nước trên thế giới chỉ tin một loại tôn giáo — kết cấu đơn nguyên. Người Arập theo Hồi giáo thờ chúa Ala; người châu Âu phần lớn theo Cơ đốc giáo; nhiều nước Đông Nam Á theo Phật giáo. Tình trạng đơn nguyên dễ đưa đến hiện tượng cuồng tín.

Trong tín ngưỡng, người Việt không tin ở bản chất con người là «tội lỗi», phải «xưng tội» và cầu chúa «rửa tội» (trừ những làng Cơ đốc giáo). Người Việt tin ở mình và cầu thánh thần phù hộ thêm. Có lẽ vì vậy mà tín ngưỡng người Việt có phần thực dụng, có phần nhân văn hơn.

Đáng lưu ý là tư tưởng Nho giáo thâm nhập vào làng Việt khá sâu sắc, nhất là ở miền Bắc. Nho giáo tuyệt đối hóa chữ hiếu, củng cố gia đình phụ quyền đề cao họ hàng tông tộc. Sự thâm nhập của Nho giáo về sau làm cho «cứng» văn hóa tư tưởng làng xã.

4. Di sản làng xã. Đây là mục tiêu có ý nghĩa thực tiễn. Nhiều yếu tố của làng như thiết chế chính trị, kết cấu giai cấp đẳng cấp đã bị thủ tiêu hay thay đổi cơ bản, nhưng nhiều yếu tố kinh tế, văn hóa tư tưởng, dòng họ và cả lớp người già của làng xã cũ vẫn đang còn. Di sản của làng xã để lại khá đậm đà.

Hiểu rõ di sản của làng xã là vấn đề của ngày nay. Theo chúng tôi tìm hiểu di sản làng xã cần đề cập mấy điểm sau đây:

— Qui hoạch làng xã và dân cư, mối tương quan giữa làng, dân số và lực lượng sản xuất.

— Những tri thức về khoa học kỹ thuật, tri thức thâm canh tăng năng suất cây, con và tri thức y học dân tộc.

— Mỗi quan hệ-nhà-làng nước mỗi quan hệ giữa tư tưởng cộng đồng làng xã và tư tưởng quốc gia dân tộc.

— Tư tưởng-văn hóa như lễ hội dân gian, văn học nghệ thuật dân gian, phong tục tập quán.

— Văn tế đô thị hóa trong xã hội Việt Nam.

— v. v. v.

Nghiên cứu làng xã không thể dừng lại trên nhận thức hiện tại mà còn phải tiếp tục lâu dài. Không ai có thể tự cho mình đã hiểu hết con người Việt Nam đất nước Việt Nam. Đề tài «Làng xã và vấn đề xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa» cần phải được đẩy mạnh hơn.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác chỉ ra những nguyên lý chung từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng mỗi nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản lại có hoàn cảnh riêng biệt. Lên chủ nghĩa xã hội là phổ biến nhưng phương thức tiến lên của mỗi nước là đặc thù. Tiếp tục nghiên cứu làng Việt là thiết thực góp phần tìm hiểu các đặc thù đó.

CHÚ THÍCH

1) Hồ Chí Minh tuyển tập, NXB Sự thật, Hà Nội, 1983, tập II tr 159. (chữ nhấn mạnh là trong nguyên văn).

(2) Theo Nguyễn Hồng Châu. Giải quyết vấn đề ruộng đất ở các lĩnh khu V cũ, t/c Học tập, số 11-1976, tr 24.

3) Theo Vũ Duy Mẫn, Tìm hiểu hương ước làng Ngọc Than, báo cáo khoa học tại hội nghị Làng xã Việt nam, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, tháng 4-1986

Phan Đại Doan

WHEN LOOKING BACK AT VIETNAMESE LANG

The author puts forth four problems concerning Vietnamese lang. The economic structure, the mechanism, the culture and ideology, the legacy. He thinks that Vietnamese lang has a pluralist economic structure, culture and ideology and its mechanism is fairly strict

ФАН ДАЙ ДОАН

РАССМОТРЕНИЕ «ЛАНГ» ВО ВЬЕТНАМЕ

Автор рассматривает 4 вопроса, связанных с вьетнамским «ланг». Это экономическая структура, административный аппарат, культура и идеология, наследие. Он считает, что экономическая структура, культура и идеология вьетнамского «ланг» имеют плюралистический характер и его механизм довольно строг.